Thực trạng và giải pháp thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại TP. Hồ Chí Minh

HỒ THỦY TIÊN [1,*] & NGUYỄN VĂN HẢI [2]

[1] Viện Nghiên cứu phát triển TP.HCM
[2] Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn
Nhận bài: 15/08/2022 - Duyệt đăng: 15/10/2022
(*) Liên hệ: httien.hids@tphcm.gov.vn; ĐT: 0937.380.306

Tóm tắt:

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là nguồn vốn có đóng góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của TP.HCM trong thời gian qua. Tuy nhiên, bên cạnh những thành công, việc thu hút và sử dụng nguồn vốn FDI tại TP.HCM vẫn còn những hạn chế nhất định. Bằng nguồn số liệu thứ cấp từ Niên giám thống kê, tác giả sử dụng các phương pháp thống kê mô tả, phân tích, tổng hợp, so sánh đối chiếu để khái quát bức tranh toàn cảnh về tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn TP.HCM trong thời gian qua như: số lượng, quy mô các dự án, cơ cấu nguồn vốn, quy mô nguồn vốn,...Bài viết cũng nêu ra những đóng góp chủ yếu của nguồn vốn FDI, các vấn đề đặt ra trong thu hút nguồn vốn này và đề xuất một số giải pháp để thu hút nguồn vốn FDI tại TP.HCM trong thời gian tới.

Từ khóa: Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), cơ cấu đầu tư, tăng trưởng kinh tế, TP.HCM.

Abstract:

Foreign direct investment (FDI) is a major source of capital playing crucial roles in socio-economic development in Ho Chi Minh City from the past onwards. Nevertheless, besides achievements, drawing and utilizing FDI in the Ho Chi Minh City still have definite drawbacks. By means of secondary data of Statistical Yearbook; methods of analysis, statistical description, generalization, comparison, the article shows a general picture of drawing foreign direct investment in the Ho Chi Minh City in previous years, particularly about number and size of projects, capital structure, capital size, etc. The article also illustrates significant contribution of FDI, its problems and solutions to them to attract FDI in Ho Chi Minh City in the future.

Keywords: Foreign direct investment (FDI), investment structure, economic growth Ho Chi Minh City.

1. Đặt vấn đề

TP.HCM là đầu tàu kinh tế của cả nước, là thị trường đầy năng động, có sức hút lớn đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Với vị trí địa lý thuận lợi, nằm ở vùng chuyển tiếp giữa Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ, vị trí trung tâm của khu vực Đông Nam Á, cửa ngõ giao lưu quốc tế, Thành phố đã trở thành đầu mối giao lưu với các vùng trong cả nước và quốc tế. Bên cạnh đó, Thành phố cũng có những lợi thế về nguồn nhân lực dồi dào, hệ thống hạ tầng giao thông, logistics đang phát triển mạnh, các khu công nghiệp, khu chế xuất đã hoàn thiện và vận hành ổn định,...để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Trong giai đoạn 2010-2021, Thành phố đã thu hút được số lượng lớn các dự án FDI chủ yếu từ các nhà đầu tư Châu Á, tập trung phát triển mạnh các ngành công nghiệp chế biến chế tạo, góp phần giải quyết việc làm và thu nhập cho người lao động, đóng góp trung bình hàng năm gần 20% trong tổng GRDP của

Thành phố, góp phần đáng kể trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, quá trình thu hút và sử dụng nguồn vốn đầu tư FDI vẫn còn nhiều bất cập trong chuyển dịch cơ cấu nguồn vốn, lĩnh vực đầu tư, chuyển giao và phát triển công nghệ,...đặc biệt là thu hút được các dự án có quy mô lớn để thúc đẩy kinh tế Thành phố phát triển đúng định hướng và giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường vì vậy trong thời gian tới Thành phố cần có những giải pháp phù hợp, đột phá hơn trong thu hút đầu tư và phát huy hiệu quả nguồn vốn FDI.

Bảng 1. Số dự án cấp phép mới và điều chỉnh vốn hàng năm tại TP.HCM

	Tổng vốn	Dự án cấp phép mới trong năm		Dự án điều chỉnh vốn	
		Số dự án được cấp phép	Tổng vốn đăng ký	Số lượt dự án được cấp phép	Vốn tăng thêm (Triệu USD)
2010	2.118	337	1.885	73	233
2011	3.145	359	2.845	62	300
2012	1.340	436	640	87	700
2013	1.983	491	1.015	112	968
2014	3.269	457	2.884	127	385
2015	4.101	606	2.983	191	1.118
2016	3.896	853	1.322	222	619
2017	6.745	963	2.426	258	1.013
2018	6.238	1.060	812	262	269
2019	8.338	1.365	1.891	313	861
2020	5.221	985	654	276	579
2021	7.183	665	942	185	4.237

Nguồn: Niên giám Thống kê TP.HCM, 2021

2. Thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại TP.HCM

2.1. Số lượng và quy mô dự án

Tính đến hết năm 2021, TP.HCM có 10.394 dự án đầu tư nước ngoài còn hiệu lực với tổng số vốn đăng kí đạt 52.921,5 triệu USD. Năm 2021, tình hình dịch COVID-19 trên thế giới và VN vẫn còn diễn biến phức tạp, TP.HCM thực hiện giãn cách xã hội nhằm kiểm soát dịch bệnh nên tác động đến hầu hết các hoạt động kinh tế, bao gồm cả hoạt động đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI). Tuy nhiên, điểm sáng là vốn đầu tư từ các dự án cấp mới và điều chỉnh năm 2021 vẫn tăng cao so với cùng kỳ năm 2020.

Trong giai đoạn 2011-2020, số lượng dự án đăng kí trên địa bàn Thành phố tăng liên tục qua từng năm cùng với quá trình VN gia nhập ngày càng sâu rộng vào kinh tế quốc tế. Trong đó, giai đoạn 2011-2015, Thành phố chỉ có 2.349 dự án đăng kí với tổng vốn đầu tư hơn 10.367 triệu USD, tốc độ tăng trưởng dự án bình quân 12,5%/năm và tăng trưởng vốn khoảng 9,6%/năm. Sang giai đoạn 2016-2020 mặc dù số lượng dự án FDI tăng đột biến nhờ làn sóng đầu tư bùng nổ tuy nhiên số vốn đăng kí chỉ đạt 7.105 triệu USD, tốc độ tăng trưởng số lượng dự án cũng chậm lại, đạt 10,2%/năm, thấp hơn so với giai đoạn trước, tốc độ tăng trưởng nguồn vốn cũng giảm rõ rệt, giảm tới -26,2%/năm.

Số lượng dự án tăng trong khi nguồn vốn giảm sút cho thấy các dự án có quy mô nhỏ ngày càng tăng, cơ cấu nguồn vốn đã bắt đầu thay đổi theo hướng thu hút đa dạng các nhà đầu tư nhỏ đến từ các nước phát triển trong khu vực. Trước những biến động của tình hình kinh tế, chính trị thế giới và đặc biệt là ảnh hưởng của dịch covid-19, số lượng và nguồn vốn dự án FDI bắt đầu chững lại, sụt giảm khá mạnh từ năm 2020, đây cũng là xu hướng chung ở nhiều nước khi dòng vốn đầu tư dịch chuyển sang các thị trường tiềm năng mới, ứng phó tốt với dịch bệnh.

Bên cạnh đó, số lượng các dự án đăng kí điều chỉnh tăng vốn trên địa bàn Thành phố đạt tỷ lệ khá cao, nhất là trong giai đoạn 2016-2020, tỷ lệ dự án đăng kí điều chỉnh vốn lên tới 25,6%, cao hơn so với giai đoạn 2011-2020 với 23,8%. Quy mô vốn tăng thêm ở các dự án cũng tăng mạnh, bình quân tăng tới 47% so với vốn đăng kí ban đầu. Điều này cho thấy sự ổn định và phát triển ở các dự án đầu tư, việc tăng vốn cho thấy hoạt động đầu tư từng bước đạt hiệu quả, hoạt động sản xuất được mở rộng ở các dự án FDI. Đây là tín hiệu đáng mừng trong hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn Thành phố trong thời gian qua.

2.2. Cơ cấu nguồn vốn FDI theo lĩnh vực kinh tế

Số lượng dự án FDI đang ngày càng tăng cả về số lượng lẫn chất lượng thể hiện trong cơ cấu các ngành được đầu tư. Theo ngành kinh tế, các dự án lũy kế đến nay còn hiệu lực tập trung chủ yếu ở nhóm ngành thương mại, dịch vụ (Bán buôn và bán lẻ; sửa

chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) với hơn 3.000 dự án, chiếm 23,89%, tiếp đó là nhóm ngành nông nghiệp, hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ cùng chiếm 17,47%, các ngành công nghiệp chế biến chế tạo, thông tin và truyền thông cũng có số lượng dự án khá lớn, chiếm tỷ lệ lần lượt 12,26% và 11,90%. Đây là những nhóm ngành được Thành phố ưu tiên thu hút trong giai đoạn vừa qua, phù hợp với định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ, công nghiệp của Thành phố.

Xét về cơ cấu nguồn vốn ở từng nhóm ngành, có thể thấy ngành công nghiệp chế biến chế tạo có tỷ trọng vốn lớn nhất, chiếm tới 35,04% tổng nguồn vốn FDI còn hiệu lực, đây là nhóm ngành được Thành phố đẩy mạnh thu hút đầu tư trong thời gian qua, tập trung nhiều ở 4 ngành công nghiệp trọng điểm và 2 ngành công nghiệp truyền thống. Những năm gần đây, nguồn vốn FDI bắt đầu dịch chuyển sang các lĩnh vực sản xuất công nghệ cao, các ngành công nghiệp công nghệ cao như công nghệ phần mềm, sinh học, chế tạo vật liệu mới,..trong Khu công nghệ cao Thành phố, Khu công viên phần mềm Quang Trung và các khu chế xuất, công nghiệp khác trên địa bàn Thành phố.

Hoạt động kinh doanh bất động sản cũng thu hút được nguồn vốn FDI lớn, chiếm tỷ trọng tới 29,52%. Đây là lĩnh vực mặc dù có số lượng dự án chỉ chiếm 3,07% nhưng quy mô vốn rất lớn, phục vụ cho phát triển các dự án bất động sản quy mô lớn như tòa nhà văn phòng, khu đô thị, trung tâm thương mại,... trong xu hướng đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ trong thời gian qua. Nhiều doanh nghiệp lớn đã đầu tư vào lĩnh vực này trên địa bàn Thành phố như tập đoàn Keppel, Capitaland (Singapore), Lotte, GS E&C (Hàn Quốc), Gamuda Land (Malaysia),..

Giáo dục và đào tạo cũng là một trong những ngành có sự thu hút dòng vốn FDI khá lớn. Trong 2 năm trở lại đây, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành giáo dục và đào tạo ở TP.HCM có sự tăng trưởng cao và duy trì ổn định được tăng trưởng qua các năm. TP.HCM cũng trở thành đầu hút vốn FDI vào ngành giáo dục của cả nước kể từ năm 2020.

Như vậy, dòng vốn FDI đã và đang tiếp tục đầu tư vào nhiều lĩnh vực kinh tế khác nhau đặc biệt ở các lĩnh vực kinh tế có hàm lượng khoa học cao, mang tính đổi mới, sáng tạo sẽ tạo động lực để kinh tế Thành phố tiếp tục phát triển ổn định, đúng định hướng đề ra trong thời gian tới.

Bảng 2. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp giấy phép phân theo ngành kinh tế (Lũy kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 31/12/2021)

Ngành Kinh tế	Số dự án		Vốn đầu tư		Quy mô vốn/dự án
	Dự án	Tỷ lệ %	Nghìn.USD	Tỷ lệ %	
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	2.198	17,47	2.397.509	4,34	1.090,8
Khai khoáng	8	0,06	115.522	0,21	14.440,3
Công nghiệp chế biến, chế tạo	1.543	12,26	19.366.570	35,04	12.551,2
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	6	0,05	73.900	0,13	12.316,7
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	8	0,06	122.607	0,22	15.325,9
Xây dựng	567	4,51	1.581.638	2,86	2.789,5
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	3.006	23,89	4.620.557	8,36	1.537,1
Vận tải kho bãi	499	3,97	883.265	1,60	1.770,1
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	135	1,07	632.612	1,14	4.686,0
Thông tin và truyền thông	1.498	11,90	1.814.158	3,28	1.211,1
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	25	0,20	197.168	0,36	7.886,7
Hoạt động kinh doanh bất động sản	386	3,07	16.319.964	29,52	42.279,7
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	2.198	17,47	2.397.509	4,34	1.090,8
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	118	0,94	203.469	0,37	1.724,3
Giáo dục và đào tạo	250	1,99	3.802.246	6,88	15.209,0
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	89	0,71	599.297	1,08	6.733,7
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	17	0,14	139.326	0,25	8.195,6
Hoạt động dịch vụ khác	33	0,26	8.420	0,02	255,2
	12.584	100	55.275.737		

Nguồn: Niên giám thống kê TP.HCM, 2021

2.3. Quy mô vốn đầu tư FDI theo dự án

Xét theo quy mô vốn đầu tư

FDI trên mỗi dự án, số lượng các dự án có quy mô nhỏ từ 1-2 triệu USD hiện chiếm phần lớn trong tổng số dự án FDI đang còn hiệu lực trên địa bàn Thành phố với hơn 58,4%. Các dự án này chủ yếu ở các lĩnh vực nông nghiệp, thương mại, hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ, thông tin và truyền thông,...Số dự án lớn từ 10 triệu USD chiếm gần 17,5%, tập trung ở các lĩnh vực kinh doanh bất động sản, cung cấp nước và xử lý chất thải, nước thải, giáo dục và đào tạo,...

Có thể thấy số lượng dự án FDI đầu tư có quy mô lớn đầu tư vào Thành phố mặc dù chưa nhiều do những hạn chế về quỹ đất đầu tư, nguồn nhân lực, thủ tục đầu tư,...nhưng với xu hướng dịch chuyển dòng vốn đầu tư sang các ngành công nghệ cao, Thành phố sẽ có nhiều cơ hội tiếp tục thu hút các dự án lớn trong thời gian tới tại Khu công nghệ cao TP.HCM, Khu đô thị Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức,...

2.4. Cơ cấu nguồn đầu tư

Trong cơ cấu các nhà đầu tư FDI, có thể thấy các quốc gia Châu Á như Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản, Malaysia, Hong Kong,...là nơi có nhiều nhà đầu tư nhất vào Thành phố trong đó Singapore là quốc gia có tỷ lệ vốn đầu tư lớn nhất chiếm tới 22,3%, cao gần gấp đôi so với dòng vốn đầu tư từ Quần đảo Virgin thuộc Anh ở vị trí thứ hai, tiếp đó là các nước Hàn Quốc (10,0%), Nhật Bản (9,9%),...

Cơ cấu các nhà đầu tư cho thấy được chất lượng dòng vốn nhất là trong vấn đề công nghệ. Dòng vốn đầu tư từ các quốc gia châu Á thường tập trung vào các ngành công nghiệp chế biến chế

Hình 1. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo các quốc gia

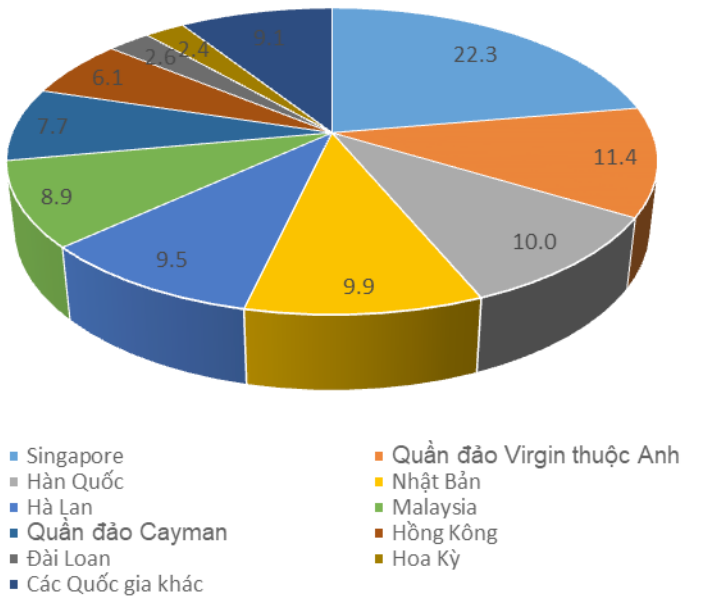

Nguồn: Niên giám thống kê TP.HCM, 2021

tạo như cơ khí, dệt may, gia dày, điện tử, cao su - nhựa,...đi kèm với đó là các công nghệ ở mức trung bình, sử dụng nhiều lao động, quy mô các dự án không lớn. Trong khi đó các dự án từ các nước Châu Âu, Mỹ,...thường đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao như Intel (Mỹ) đầu tư vào sản xuất chip, bán dẫn, bo mạch chủ,...; tập đoàn Bosch (Đức) cung cấp các giải pháp thông minh trong lĩnh vực phần cứng, phần mềm và dịch vụ; tập đoàn Safoni (Pháp) chuyên sản xuất dược phẩm,...

Việc thu hút được đối tác đầu tư phù hợp với định hướng phát triển của Thành phố trong từng giai đoạn sẽ giúp cơ cấu kinh tế Thành phố chuyển dịch đúng định hướng, đạt được nhiều kết quả tích cực. Trong giai đoạn mới, với những chuyển biến khó lường của tình hình kinh tế, chính trị thế giới như cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, xung đột Nga - Ukraina,...tình hình dịch bệnh covid-19 còn diễn biến phức tạp,...dòng vốn FDI đang có sự chuyển hướng sang các quốc gia có sự ổn định chính trị, dịch bệnh diễn biến ít phức tạp như VN, Indonesia,...

TP.HCM với vị thế là đầu tàu kinh tế, trung tâm tài chính của cả nước đang có định hướng đẩy mạnh phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, xây dựng và phát triển đô thị thông minh, đô thị sáng tạo tương tác cao (Thành phố Thủ Đức) sẽ tiếp tục thu hút các nhà đầu tư lớn từ các nước, đặc biệt là các nhà đầu tư từ Châu Âu, Mỹ.

3. Đóng góp của nguồn vốn FDI với sự phát triển kinh tế - xã hội TP.HCM

3.1. Góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

Nguồn vốn FDI đã góp phần quan trọng bổ sung nguồn vốn trong nước và trở thành động lực cho tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Thành phố. GRDP TPHCM đã

tăng trưởng khá ổn định trong cả giai đoạn 2011-2020, bình quân đạt hơn 6,8%/năm. Trong đó, đóng góp của khu vực đầu tư nước ngoài vào GRDP trong giai đoạn này khá ổn định qua các năm, tỷ trọng đóng góp của khu vực đầu tư nước ngoài vào GRDP Thành phố đạt từ 18-22% trong giai đoạn 2011-2020 và có xu hướng tăng lên khá nhanh từ năm 2015 khi các nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới được ký kết và thực thi như AEC (2015), CPTTP (2018), EVFTA (2020), RCEP (2020),...Đến năm 2021, tỉ trọng trong GRDP của khu vực đầu tư nước ngoài chiếm khoảng 20,04% tổng GRDP toàn Thành phố.

Với số lượng dự án ngày càng tăng, quy mô nguồn vốn ngày càng được cải thiện, tỷ trọng đóng góp của khu vực FDI vẫn duy trì ổn định ở mức cao đã giúp cho kinh tế Thành phố tăng trưởng nhanh, bền vững.

3.2. Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng định hướng

Các dự án FDI đã thúc đẩy cơ cấu kinh tế của Thành phố chuyển dịch theo đúng định hướng. Trong số hơn 12.500 dự án đang còn hiệu lực, số lượng dự án trong ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 16,94% tổng số dự án FDI và 38,46% tổng nguồn vốn đầu tư; ngành thương mại - dịch vụ chiếm tới 65,61% tổng số dự án và 57,2% tổng vốn đầu tư trong khi đó, số lượng dự án trong ngành nông nghiệp chiếm tới 17,47% nhưng chỉ chiếm 4,34% tổng vốn đầu tư FDI trong thời gian qua. Với số lượng lớn dự án và nguồn vốn FDI tập trung vào các ngành kinh tế được Thành phố tập trung thu hút đầu tư và phát triển đã giúp cơ cấu kinh tế Thành phố từng bước chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp, giảm tỷ trọng ở ngành nông nghiệp.

Trong nội bộ các ngành cũng có sự chuyển dịch nhanh chóng. Ở ngành công nghiệp - xây dựng, với định hướng phát triển 4 ngành công nghiệp trọng yếu, 2 ngành công nghiệp truyền thống, Thành phố đã thu hút nhiều dự án FDI góp phần đưa ngành công nghiệp chế biến chế tạo phát triển mạnh mẽ. Bên cạnh đó, các nguồn vốn FDI cũng được đầu tư nhiều vào lĩnh vực xây dựng trong bối cảnh đô thị hóa diễn ra nhanh trên địa bàn Thành phố.

Ở ngành thương mại - dịch vụ, các ngành kinh tế cũng có sự chuyển dịch nhanh chóng theo xu hướng chung, nhất là sự phát triển của khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin trong nhiều ngành, lĩnh vực đã tạo ra sự đột phá lớn trong phát triển. Các ngành dịch vụ như bán buôn và bán lẻ, thông tin và truyền thông, dịch vụ bất động sản, dịch vụ khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo,... là những ngành kinh tế thu hút nhiều dự án và nguồn vốn lớn từ các nhà đầu tư nước ngoài.

3.3. Góp phần thúc đẩy xuất nhập khẩu

Nguồn vốn FDI đã thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của Thành phố phát triển mạnh mẽ. Các dự án FDI chủ yếu sản xuất các sản phẩm phục vụ cho xuất khẩu, với số lượng dự án và nguồn vốn ngày càng tăng, các dự án FDI đã mang về nguồn thu lớn cho các nhà sản xuất. Trị giá xuất khẩu hàng hóa của khu vực FDI không ngừng tăng lên, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu giá trị xuất khẩu. Năm 2021, trị giá xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI chiếm tới 65,31% tổng giá trị xuất khẩu toàn Thành phố trong khi các doanh nghiệp nhà nước chỉ

Bảng 3. Đóng góp của FDI vào GDRP Thành phố

Năm		2010	2015	2020	Sơ bộ 2021
1	Tổng GRDP Thành phố (giá so sánh 2010)	150.943	726.139	991.569	924.366
2	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	33.221	133.145	188.449	185.227
3	Tỷ lệ đóng góp vào GRDP	22,01	18,34	19,01	20,04

Hình 2. Trị giá xuất khẩu hàng hóa phân theo loại hình kinh tế

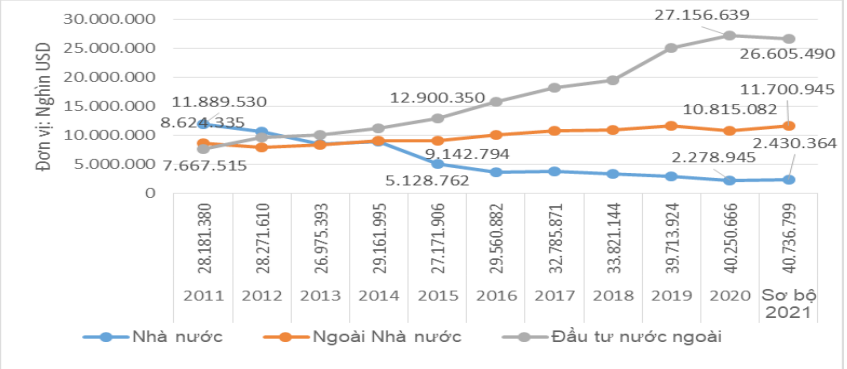

Nguồn: Niên giám thống kê TP.HCM, 2021

chiếm 5,97% và doanh nghiệp ngoài Nhà nước là 28,72%.

Các dự án của doanh nghiệp FDI cũng thúc đẩy việc nhập khẩu các nguyên liệu đầu vào, công nghệ và thiết bị,...góp phần thúc đẩy chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ sản xuất và cạnh tranh giữa các doanh nghiệp.

3.4. Góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập

Các dự án FDI không những đóng góp quan trọng vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng trưởng kinh tế và giá trị xuất nhập khẩu của Thành phố mà còn có những đóng góp quan trọng về mặt xã hội, đó là vấn đề tạo ra việc làm và nâng cao thu nhập, trình độ cho người lao động.

Lao động làm việc trong các doanh nghiệp FDI đến năm 2020 có 664.449 người, chiếm gần 23,5% tổng số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố, đứng sau loại hình doanh nghiệp ngoài Nhà nước với gần 71,5%. Tốc độ tăng trưởng lao động trong các doanh nghiệp FDI trong giai đoạn 2011-2020 bình quân đạt 3,55%/năm, cao hơn so với mức tăng 2,16% trong doanh nghiệp ngoài Nhà nước và chỉ 1,99% trong doanh nghiệp Nhà nước.

Ngoài tạo ra số lượng việc làm lớn, các doanh nghiệp FDI cũng đã góp phần nâng cao thu nhập cho người lao động làm việc tại doanh nghiệp. Theo số liệu thống kê năm 2021, mức lương bình quân hàng tháng của lao động trong các doanh nghiệp FDI hiện đạt gần 14,7 triệu đồng, cao hơn gần 35% so mới mức trung bình chung của toàn Thành phố, cao hơn so với mức thu nhập của lao động trong doanh nghiệp ngoài

Hình 3. Tổng số lao động trong các doanh nghiệp tại thời điểm 31/12 hàng năm phân theo loại hình doanh nghiệp

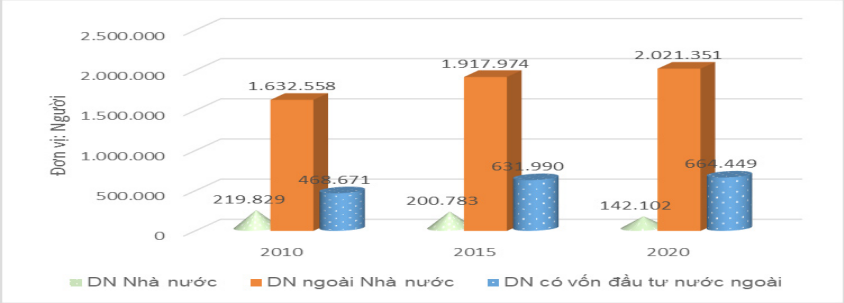

Hình 4. Mức lương trung bình hàng tháng của lao động trong các loại hình doanh nghiệp

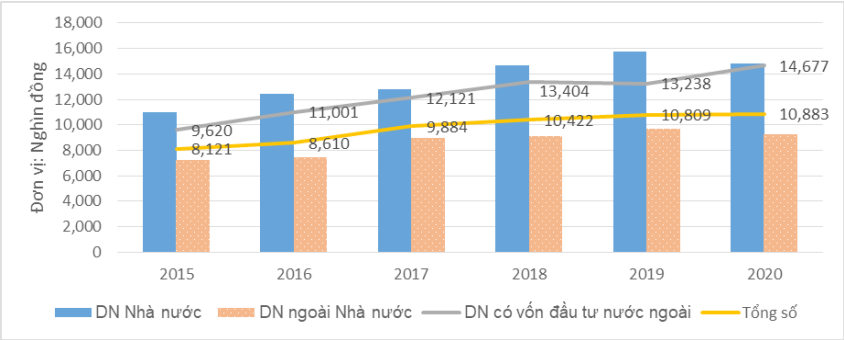

Nguồn: Niên giám thống kê TP.HCM, 2021

Nhà nước tới 57,8% và đang tiếp tục có xu hướng tiếp tục tăng. Mức thu nhập cao đã giúp cho các lao động làm việc trong các doanh nghiệp FDI từng bước cải thiện được chất lượng cuộc sống, tiếp tục là động lực thu hút lao động có trình độ vào làm việc và gắn bó lâu dài. Lao động trong các doanh nghiệp FDI thường có yêu cầu cao hơn về trình độ, kỹ năng để đáp ứng yêu cầu sản xuất luôn đổi mới và xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Làm việc trong các doanh nghiệp FDI, lao động sẽ nâng cao được trình độ, tay nghề, kỹ năng nhờ những tiến bộ kỹ thuật được áp dụng trong sản xuất, các quy trình sản xuất hiện đại, tiêu chuẩn tiên tiến.

3.5. Thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng đô thị

Các dự án FDI trên địa bàn Thành phố phần lớn được thu hút vào các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao do đó nhiều dự án đầu tư lớn trên địa bàn Thành phố đã được thực hiện nhằm phục vụ cho các doanh nghiệp. Thành phố hiện có 17 khu chế xuất, khu công nghiệp, thu hút hơn 1.600 dự án đầu tư trong đó có gần 600 dự án FDI, hạ tầng các khu công nghiệp, khu chế xuất và hệ thống giao thông kết nối được đầu tư, từng bước hoàn thiện để phục vụ cho hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp. Ngoài ra, Thành phố cũng đã đầu tư phát triển khu công nghệ cao, đến nay đã thu hút hơn 160 dự án trong đó dự án FDI chiếm hơn 30% và đang được tiếp tục đầu tư mở rộng trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, các dự án cảng biển lớn như Cát Lái, Hiệp Phước, các tuyến đường vành đai

kết nối với các tỉnh,...cũng đã và đang được xúc tiến đầu tư, hoàn thiện nhằm thu hút và phục vụ cho hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp FDI.

4. Một số vấn đề đặt ra trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại TP.HCM hiện nay

Thứ nhất, số lượng dự án và nguồn vốn FDI đầu tư vào Thành phố ngày càng nhiều tuy nhiên chủ yếu vẫn còn tập trung ở ngành công nghiệp chế biến chế tạo trong khi đó Thành phố có quỹ đất khá hạn chế, không đảm bảo cho việc phát triển mới các khu chế xuất, khu công nghiệp,... Thêm vào đó, xu hướng dịch chuyển sản xuất công nghiệp ra các địa phương lân cận như Bình Dương, Long An, Đồng Nai,...do có quỹ đất lớn, giá thuê rẻ, lao động dồi dào, giá nhân công rẻ,... Thành phố khó có sự cạnh tranh trong thu hút FDI vào các ngành công nghiệp chế biến chế tạo trong thời gian tới do đó Thành phố cần xây dựng định hướng tập trung thu hút đầu tư vào những lĩnh vực sản xuất có ứng dụng công nghệ cao, hiện đại, giá trị gia tăng cao, sử dụng lao động trình độ cao để phát huy các thế mạnh và khắc phục các điểm yếu về trong thu hút đầu tư nước ngoài.

Thứ hai, các dự án FDI đầu tư vào Thành phố vẫn chủ yếu là các dự án có quy mô nhỏ, đến từ các nhà đầu tư Châu Á, tập trung ở các ngành công nghiệp chế biến chế tạo như cơ khí, dệt may, gia dày, điện tử, cao su - nhựa,...đi kèm với đó là các công nghệ ở mức trung bình, sử dụng nhiều lao động. Việc xác định lại chiến lược thu hút đầu tư mới, trong đó tập trung thu hút đầu tư phát triển công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ công nghệ cao sẽ giúp sàng lọc và định hình lại cơ cấu nguồn vốn đầu tư. Hiện nay, dòng chảy nguồn vốn FDI từ các nước Châu Âu, Mỹ,...với công nghệ cao, hiện đại đang có xu hướng dịch chuyển sang các nước có tình hình kinh tế, chính trị, xã hội như VN do đó Thành phố cần có sự dịch chuyển định hướng phát triển, định hướng thu hút đầu tư trong thời gian tới để kịp thời đón đầu làn sóng đầu tư này.

Thứ ba, Thành phố có quỹ đất khá hạn chế, việc phát triển mới các khu công nghiệp, khu chế xuất trong giai đoạn tới rất khó khăn. Do đó, việc định hướng sắp xếp lại các khu chế xuất, khu công nghiệp hiện có để tập trung đầu tư hạ tầng rất cần được đẩy nhanh thực hiện nhằm tạo quỹ đất mới cho những ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư của Thành phố. Hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp, khu chế xuất và hệ thống giao thông, logistics,..là những vấn đề cần thiết phải tập trung để tạo tiền đề cho sự phát triển các ngành công nghiệp của Thành phố trong thời gian tới.

Thứ tư, Thành phố có lực lượng lao động dồi dào tuy nhiên lao động trình độ cao, có kỹ năng, kiến thức phù hợp chưa được đảm bảo trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, các hoạt động chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo diễn ra nhanh ở các doanh nghiệp nhất là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Với chất lượng lao động chưa được đảm bảo, dòng vốn FDI vẫn chỉ khai thác lợi thế nhân công giá rẻ, chưa đầu tư các chuỗi giá trị cao hơn vào Thành phố. Do đó, đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức, kỹ năng sẽ cần được đẩy mạnh hơn nữa ở các lĩnh vực, ngành nghề được tự do dịch chuyển lao động trong các nước ASEAN, các ngành nghề đang trong xu hướng hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, kinh tế số,...để đảm bảo cạnh tranh không chỉ với các địa phương lân cận mà còn cạnh tranh với nguồn lực lao động đến từ các nước.

Thứ năm, hạ tầng giao thông, logistics của Thành phố còn phát triển chậm, chưa đồng bộ với sự phát triển của doanh nghiệp. Các tuyến đường vành đai kết nối với các tỉnh vẫn đang trong giai đoạn xây dựng, hình thành. Các tuyến đường cao tốc kết nối Thành phố với các tỉnh vẫn còn hạn chế, hiện chỉ có tuyến TP.HCM-Trung Lương kết nối với các tỉnh miền Tây và cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầy Giây kết nối các tỉnh phía Đông, đều đang trong tình trạng quá tải. Giao thông kết nối với các cảng biển như Cát Lái, Hiệp Phước chưa được đầu tư tương xứng, dẫn đến việc thường xuyên tắc nghẽn tại các tuyến đường ra vào cảng.

Thứ sáu, thủ tục hành chính trong đầu tư còn nhiều phức tạp, nhiều quy trình, thủ tục chưa được số hóa, điện tử giúp tiết kiệm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước.

5. Giải pháp thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào TP.HCM hiện nay

5.1. Giải pháp về cơ chế, chính sách, đổi mới thủ tục hành chính

Tiếp tục cải cách hành chính, tinh giản các quy định, triển khai

nhiều quy trình phê duyệt điện tử hơn, đảm bảo tính ổn định và nhất quán trong các quy hoạch tổng thể, giúp việc gia hạn giấy phép đầu tư và phê duyệt mở rộng đầu tư diễn ra suôn sẻ, để có thể giữ chân và thu hút đầu tư trong môi trường toàn cầu ngày càng cạnh tranh.

Nâng cao trình độ, kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện các nhiệm vụ xử lý hồ sơ, thủ tục đầu tư nhằm từng bước chuyên nghiệp hóa đội ngũ, nâng cao hiệu quả công việc, hạn chế các tiêu cực trong giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính.

Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi và tiêu chí thu hút đầu tư cho từng ngành, lĩnh vực Thành phố định hướng phát triển nhằm tạo ra bước đột phá mới để phát triển các ngành, lĩnh vực. Để phát triển, Thành phố cần có cơ chế, chính sách ưu đãi riêng bên cạnh những chính sách ưu đãi chung của cả nước. Các tiêu chí thu hút dự án, doanh nghiệp nước ngoài đầu tư cũng cần được xây dựng phù hợp với các lĩnh vực thu hút, khu vực thu hút đầu tư nhằm tạo ra hàng rào kỹ thuật, loại bỏ các dự án, doanh nghiệp có công nghệ lạc hậu, có khả năng gây tác động tiêu cực đến môi trường, đảm bảo phát triển bền vững.

Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá các dự án FDI đang hoạt động để xem xét khả năng hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, công nghệ,...từ đó có định hướng tiếp tục đẩy mạnh thu hút đầu tư hoặc giảm và tiến tới ngừng thu hút đầu tư ở các ngành, lĩnh vực không hiệu quả, tác động tiêu cực.

5.2. Giải pháp đầu tư, hoàn thiện cơ sở hạ tầng

Cần tập trung đẩy mạnh việc hoàn thiện về cơ sở hạ tầng kĩ thuật nhất là hạ tầng giao thông, logistics và hạ tầng các khu công nghiệp, khu chế xuất hiện có.

Đẩy mạnh sắp xếp, bố trí lại các khu công nghiệp, khu chế xuất theo định hướng thu hút đầu tư và đầu tư hạ tầng phù hợp.

Tích cực thu hút các nguồn vốn xã hội hóa trong đầu tư, phát triển hạ tầng trên địa bàn Thành phố.

Bổ sung quy hoạch phát triển hạ tầng giao thông, logistics,... trong Quy hoạch tích hợp TP.HCM tới năm 2030, tầm nhìn tới năm 2050.

5.3. Giải pháp đẩy mạnh xúc tiến đầu tư

Trong giai đoạn mới, Thành phố cần xác định đối tượng ưu tiên cho các chính sách thu hút FDI, từ đó nghiên cứu ban hành các chương trình, kế hoạch thu hút đầu tư cụ thể, có tính khả thi cao. Thực tế thu hút FDI của TPHCM trong thời gian qua chủ yếu đến từ các nước trong khu vực Châu Á, chưa đáp ứng các yêu cầu về trình độ công nghệ, chuyển giao công nghệ mới. Cần phải xúc tiến thu hút vốn FDI từ những nước công nghiệp phát triển như Anh, Pháp, Mĩ...thông qua các diễn đàn kinh tế quốc tế được tổ chức định kỳ hoặc các chương trình xúc tiến đầu tư với các nước có lĩnh vực cần thu hút đang phát triển mạnh. Tăng cường phối hợp trao đổi thông tin thường xuyên với các hiệp hội doanh nghiệp, các công ty nước ngoài; thực hiện tổ chức định kì các cuộc gặp gỡ, tiếp xúc giữa lãnh đạo Thành phố với cộng đồng doanh nghiệp nước ngoài; tận dụng mọi cơ hội có thể để giới thiệu, quảng bá, mời gọi đầu tư (các cuộc hội thảo, diễn đàn, triển lãm đầu tư trong và ngoài nước,..).

5.4. Giải pháp đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Với xu hướng cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ, các hoạt động đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số trong doanh nghiệp trở thành phổ biến, nhu cầu lao động có kỹ năng, tay nghề cao, có trình độ ngoại ngữ phù hợp với công nghệ mới, hệ thống quản lý mới ở các doanh nghiệp đang ngày càng trở nên cấp thiết. Thành phố có lợi thế là địa phương tập trung thu hút nhiều lao động, tuy nhiên chủ yếu là lao động phổ thông do đó rất cần có sự phối hợp giữa các doanh nghiệp và hệ thống các trường đại học, cao đẳng, trường nghề đa dạng, phong phú trên địa bàn Thành phố để đào tạo kiến thức, kỹ năng mới cho lao động. Thành phố cần tích cực khuyến khích và hỗ trợ các cơ sở giáo dục, đào tạo đổi mới nội dung phương pháp đào tạo; gắn nội dung đào tạo trong nhà trường với hoạt động thực tiễn của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất. Đặc biệt, cần đầu tư nâng cấp hệ thống các trường đào tạo nghề hiện có lên ngang tầm khu vực, phát triển thêm các trường đào tạo nghề và trung tâm đào tạo từ các nguồn vốn khác nhằm cung cấp cho thị trường nguồn lao động đảm bảo chất lượng.

Ngoài ra, để tiếp cận các công nghệ mới, tiên tiến trên thế giới, Thành phố cần có cơ chế, chính sách thu hút và đãi ngộ các chuyên gia, nhà khoa học,...có uy tín, chất lượng trên thế giới, từng

bước xây dựng và phát triển mạng lưới các chuyên gia, nhà khoa học giỏi, phục vụ cho sự phát triển của khoa học và công nghệ trên địa bàn, đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước tham gia đầu tư trên địa bàn Thành phố.

5.5. Giải pháp quy hoạch, sắp xếp, bố trí lại quỹ đất

Thành phố cần xác định các định hướng phát triển các ngành kinh tế chủ lực trong giai đoạn tới, trong đó xem xét, đánh giá các ngành có nhu cầu sử dụng quỹ đất để có định hướng bố trí, quy hoạch sử dụng đất và xây dựng chiến lược phát triển các ngành kinh tế chủ lực.

Hoạt động sắp xếp, bố trí lại hoạt động của các khu công nghiệp, khu chế xuất cũng cần được đẩy nhanh thực hiện để có quỹ đất phù hợp với định hướng thu hút các ngành công nghiệp công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.

5. Kết luận

Nguồn vốn FDI đã và đang có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố nói riêng và cả nước nói chung. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới sâu rộng và những biến động đầy bất ổn của tình hình kinh tế, chính trị thế giới, các ảnh hưởng từ đại dịch covid-19 vẫn đang tiếp diễn, việc thu hút và tận dụng nguồn vốn FDI cho phát triển kinh tế - xã hội là rất cần thiết phải được quan tâm. Việc đánh giá đúng hiện trạng phát triển và đưa ra những giải pháp phù hợp nhằm thu hút FDI là rất cần thiết. Trong phạm vi bài viết này, tác giả đã làm rõ một số vấn đề về thực trạng thu hút FDI ở TP.HCM trong thời gian qua đồng thời đề xuất những giải pháp chính nhằm thu hút FDI phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố trong giai đoạn tới●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Cục Thống kê. (2010). *Niên giám thống kê TP.HCM năm 2010.*

Cục Thống kê. (2016). *Niên giám thống kê TP.HCM năm 2016.*

Cục Thống kê. (2021). *Niên giám thống kê TP.HCM năm 2021.*

Lâm Thùy Dương. (2020). Vai trò của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và giải pháp phát triển kinh tế VN. *Tạp chí Tài chính*, kỳ 1, tháng 4/2021.

Nguyễn Mạnh Toàn. (2010). Các nhân tố tác động đến đầu tư trực tiếp nước ngoài vào một địa phương của VN. *Tạp chí Khoa học và công nghệ,* Đại học Đà Nẵng, số 5 (40), 270 - 276.

Tạ Thị Thanh Hương và Vũ Đức Cường (2020), Thực trạng và giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, thu hút vốn FDI tại TP.HCM. *Tạp chí Tài chính,* kỳ 1, tháng 7/2020.

Phát triển tín dụng xanh...

(Tiếp theo trang 38)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Asim Ali Bukhari, S., Hashim, F., & Amran, A. (2019). Determinants of Green Banking Adoption: A Theoretical Framework. *KnE Social Sciences*, 2019, 1-14. https://doi.org/10.18502/kss.v3i22.5041

Cui, Y., Geobey, S., Weber, O., & Lin, H. (2018). The impact of green lending on credit risk in China. *Sustainability* (Switzerland), 10(6), 1-16. https://doi.org/10.3390/su10062008

David, C., & Shameem, A. (2017). The Marketing Environment and Intention to Adoption of Green Banking: Does it have a Relationships? *Global Business and Management Research: An International Journal,* 1-12.

Hair, J. F., Ringle, C. M., & Sarstedt, M. (2011). PLS-SEM: Indeed a silver bullet. *Journal of Marketing theory and Practice* (pp. 139-152). *Journal of Marketing theory and Practice*, 19(2).

He, L., Zhang, L., Zhong, Z., Wang, D., & Wang, F. (2019). Green credit, renewable energy investment and green economy development: Empirical analysis based on 150 listed companies of China. *Journal of Cleaner Production*, 208, 363-372. https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2018.10.119

Prajogo, D., Tang, A. K. Y., & Lai, K. H. (2012). Do firms get what they want from ISO 14001 adoption?: An Australian perspective. *Journal of Cleaner Production,* 33, 117-126. https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2012.04.019

Qi, G. Y., Zeng, S. X., Tam, C. M., Yin, H. T., Wu, J. F., & Dai, Z. H. (2011). Diffusion of ISO 14001 environmental management systems in China: Rethinking on stakeholders' roles. *Journal of Cleaner Production,* 19(11), 1250-1256. https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2011.03.006

Redwanuzzaman, D. M. (2021). The Determinants of Green Banking Adoption in Bangladesh: An Environmental Perspective. *Khulna University Business Review,* 24(December), 18-26. https://doi.org/10.35649/kubr.2020.15.1.2

Yao, S., Pan, Y., Sensoy, A., Uddin, G. S., & Cheng, F. (2021). Green credit policy and firm performance: What we learn from China. *Energy Economics,* 101(February), 105415. https://doi.org/10.1016/j.eneco.2021.105415

Zhu, Q., & Sarkis, J. (2007). The moderating effects of institutional pressures on emergent green supply chain practices and performance. *International Journal of Production Research,* 45(18-19), 4333-4355. https://doi.org/10.1080/00207540701440345